

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 347/2024/DS-PT

Ngày: 26 - 6 - 2024

V/v tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Đòi lại di sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DSST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** bà **Trần Thị Phương T**, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: số B, Ấp B, khu phố M, Phường N, thị xã C, Tiền Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1942.

Địa chỉ: khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 1944.

Địa chỉ: ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1951;

Địa chỉ: số B, đường Á, khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Nguyễn Thị Diễm H1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số B đường V, khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Nguyễn Khắc H2, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số B, đường Á, khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Nguyễn Quang H3, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số B, đường Á, khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Như H, bà Nguyễn Thị Ánh N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Diễm H1, ông Nguyễn Khắc H2 và ông Nguyễn Quang H3 là: bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1966 (có mặt).

8. Anh Bùi Đức H4, sinh năm 1988.

9. Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1992.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Bùi Đức H4 và chị Nguyễn Thị Thúy A: ông Bùi Văn N, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số B, Ấp B, khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo: bị đơn Bùi Văn N.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Phương T xác định:*

Mẹ của bà là cụ Trần Thị T1 là chủ sử dụng phần đất diện tích khoảng 7.700m² theo sổ bộ B là thửa số 632. Năm 1978 - 1982 Nhà nước đã trưng dụng một phần thửa đất nêu trên để làm kênh Máng Nổi nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Năm 2010 thì bà Trần Thị T1 mất, diện tích đất còn lại (trừ kênh M) do bà Nguyễn Thị Như H tự ý đăng ký đứng tên chủ sử dụng. Sau đó bà Nguyễn Thị Như H đã chuyển nhượng thửa đất này cho các hộ dân ở gần. Riêng phần đất kênh Máng Nổi do Nhà nước trưng dụng quản lý.

Năm 2018 - 2019 Ủy ban Nhân dân thị xã C có chủ trương trả lại phần đất kênh Máng Nổi cho chủ sử dụng cũ, bà T đại diện hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị T1 đã liên hệ Ủy ban nhân dân phường N đề xin làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đất kênh Máng Nổi được nhà nước giao lại, nhưng ông Bùi Văn N đang sử dụng và xây nhà trên phần đất kênh Máng Nổi của mẹ bà với diện hiện tại khoảng 1.044,2 m².

Ủy ban nhân dân Phường N tổ chức hòa giải vào ngày 21/04/2023 nhưng ông N không đồng ý giao trả đất.

Bà T khẳng định mẹ của bà là bà Trần Thị T1 không bán đất cho bất kỳ ai mà chỉ để lại đất cho bà Nguyễn Thị Như Hoa đăng k kê khai không bao gồm kênh máng nổi nhưng ông Bùi Văn N đã tự chiếm đất kênh máng nổi và xây nhà trái phép là không có căn cứ pháp lý.

Bà Trần Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1 - Xác định phần đất Kênh máng nổi thuộc thửa đất số 919, tờ bản đồ số 10 diện tích khoảng 1.044,2 m² tại khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là di sản của bà Trần Thị T1.

2 - Buộc ông Bùi Văn N trả lại di sản của bà Trần Thị T1 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị T1, gồm: Nguyễn Thị Như H, Nguyễn Thị Ánh N1, Trần Thị Phương T và các con của ông Nguyễn Hữu N3 diện tích 1.044,2 m² thuộc thửa đất số 919, tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và hàng thừa kế thứ nhất của bà T1 được liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

** Bị đơn ông Bùi Văn N trình bày tại đơn yêu cầu phản tố và bản khai xác định:* vào năm 1990, bà Trần Thị T1 có chuyển nhượng cho ông diện tích 02 bờ kênh máng nổi khoảng 1.100 m² với giá 08 chỉ vàng 24K để xây nhà ở, khi mua có làm giấy tay. Năm 2000, chợ C bị cháy nên giấy tờ mua bán đất không còn, sau đó ông có nhờ bà T1 viết lại giấy tay nhưng bà T1 già yếu nên nhờ con gái là bà Nguyễn Thị Như H viết lại giấy bán đất cho ông. Ông đã giao đủ vàng cho bà T1 và sử dụng đất ổn định trên 30 năm mà không có ai tranh chấp. Năm 2018, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất kênh M, ông có làm thủ tục xin đăng ký nhưng đến nay chưa được chưa được cấp giấy thì bà T khởi kiện. Bà T1 đã chuyển nhượng đất cho ông nhưng bà T khởi kiện đòi lại đất là không đúng. Ông N yêu cầu công nhận diện tích đất 1.044,2 m² thuộc thửa 919 tờ bản đồ số 10 đất kênh M tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông và ông có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 27/12/2023, ông Bùi Văn N trình bày tại phiên hòa giải xin rút lại đơn yêu cầu phản tố và đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn thanh toán lại giá trị tài sản trên đất số tiền 01 tỷ đồng. Đến ngày 30/01/2024 ông N xin lại diện tích đất có xây dựng căn nhà và đồng ý trả diện tích đất còn lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị L trình bày tại phiên hòa giải ngày 30/01/2024 như sau: bà xin diện tích đất có xây dựng căn nhà để ở, diện tích đất còn lại đồng ý trả cho các con của bà T1.

- Anh Bùi Đức H4 và chị Nguyễn Thị Thúy A không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DSST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn N yêu cầu công nhận diện tích đất 1.044,2 m² thuộc thửa 919 tờ bản đồ số 10 đất kênh M tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông và ông có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương T.

- Xác định diện tích đất đo đạc thực tế 1.259,1 m² thuộc thửa đất số 919, tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ bà Trần Thị T1.

- Buộc ông Bùi Văn N, bà Phạm Thị L, anh Bùi Đức H4 và chị Nguyễn Thị Thúy A phải có nghĩa vụ trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Trần Thị T1 gồm: Trần Thị Phương T, Nguyễn Thị Như H, Nguyễn Thị Ánh N1 và vợ, con của ông Nguyễn Hữu Nghĩa 1 bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Diễm H1, Nguyễn Khắc H2, Nguyễn Quang H3 diện tích đất kênh M đo đạc thực tế 1.259,1 m² thuộc thửa đất số 919 tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Thời hạn lưu cư trên đất cho gia đình ông Bùi Văn N là 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hết thời hạn nêu trên ông N cùng vợ và các con phải di dời toàn bộ tài sản, các vật dụng trong căn nhà và tất cả các cây tùng, cây mai trồng trên thửa đất số 919 tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ vị trí thửa đất đính kèm theo.

- Các ông, bà Trần Thị Phương T, Nguyễn Thị Như H, Nguyễn Thị Ánh N1 và vợ, con của ông Nguyễn Hữu Nghĩa 1 bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Diễm H1, Nguyễn Khắc H2, Nguyễn Quang H3 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 919 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.259,1 m² tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Ghi nhận bà Trần Thị Phương T đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 tự nguyện thanh toán lại giá trị cây trồng, tài sản trên đất và công sức bồi thổ làm tăng giá trị đất cho ông Bùi Văn N, bà Phạm Thị L số tiền là 450.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Các ông, bà Nguyễn Thị Như H, Nguyễn Thị Ánh N1, Trần Thị Phương T và vợ, con của ông Nguyễn Hữu Nghĩa 1 bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Diễm H1, Nguyễn Khắc H2, Nguyễn Quang H3 được quản lý, sử dụng cây ăn trái và tài sản trên thửa đất mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông N và bà T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 18 tháng 3 năm 2024 bị đơn Bùi Văn N kháng cáo: yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

- Ông Bùi Văn N, bà Phạm Thị L, anh Bùi Đức H4 và chị Nguyễn Thị Thúy A đồng ý trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị T1 gồm: bà Trần Thị Phương T, bà Nguyễn Thị Như H, bà Nguyễn Thị Ánh N1 và vợ, con

của ông Nguyễn Hữu Nghĩa 1 bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Diễm H1, ông Nguyễn Khắc H2, ông Nguyễn Quang H3 diện tích đất kênh M đo đạc thực tế 1.259,1 m² thuộc thửa đất số 919 tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và đồng ý di dời tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà diện tích xây dựng 104,44m², kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tol, nền lát gạch men; 01 mái che, diện tích xây dựng là 135,21m²; 18 cây tùng loại lớn hơn 20 cm và 08 cây loại nhỏ hơn 20 cm và 27 cây mai vàng. Thời gian thực hiện bàn giao đất và di dời tài sản trên đất hoàn tất vào ngày 01/12/2024.

- Bà Trần Thị Phương T đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 đồng ý thanh toán tiền cây trồng, công di dời cây trồng, tài sản trên đất và công sức bồi thổ làm tăng giá trị đất cho ông Bùi Văn N, bà Phạm Thị L số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Trả làm hai lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 01/8/2024; lần thứ 02 trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 01/9/2024.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định với pháp quy định pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Phương T được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của các đương sự bà Trần Thị Phương T; ông Bùi Văn N; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Như H, bà Nguyễn Thị Ánh N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Diễm H1, ông Nguyễn Khắc H2, ông Nguyễn Quang H3 do bà Trần Thị Phương T là đại diện theo ủy quyền; bà Phạm Thị Mỹ L1; anh Bùi Đức H4 và chị Nguyễn Thị Thúy A do ông Bùi Văn N là đại diện ủy quyền. Sửa một phần bản án sơ thẩm dân sự số 11/2024/DS-ST ngày 08/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Bùi Văn N, bà Phạm Thị L1, anh Bùi Đức H4 và chị Nguyễn Thị Thúy A đồng ý trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Trần Thị T1 gồm: bà Trần Thị Phương T, bà Nguyễn Thị Như H, bà Nguyễn Thị Ánh N1 và vợ, con của ông Nguyễn Hữu Nghĩa 1 bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Diễm H1, ông Nguyễn Khắc H2, ông Nguyễn Quang H3 diện tích đất kênh M đo đạc thực tế 1.259,1 m² thuộc thửa đất số 919 tờ bản đồ số 10 tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian thực hiện bàn giao đất là ngày 01/12/2024.

Có sơ đồ vị trí thửa đất đính kèm theo.

- Ông Bùi Văn N, bà Phạm Thị L1, anh Bùi Đức H4 và chị Nguyễn Thị Thúy A có nghĩa vụ di dời tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà diện tích xây dựng 104,44m², kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tol, nền lát gạch men; 01 mái che, diện tích xây dựng là 135,21m²; 18 cây tùng loại lớn hơn 20 cm và 08 cây loại nhỏ hơn 20 cm và 27 cây mai vàng. Thời gian thực hiện xong vào ngày 01/12/2024.

- Bà Trần Thị Phương T đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 tự nguyện thanh toán tiền cây trồng, công di dời cây trồng, tài sản trên đất và công sức bồi thổ làm tăng giá trị đất cho ông Bùi Văn N, bà Phạm Thị L1 số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Trả làm hai lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 01/8/2024; lần thứ 02 trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 01/9/2024.

- Các ông, bà Trần Thị Phương T, Nguyễn Thị Như H, Nguyễn Thị Ánh N1 và vợ, con của ông Nguyễn Hữu Nghĩa 1 bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Diễm H1, Nguyễn Khắc H2, Nguyễn Quang H3 được quyền sở hữu, quản lý sử dụng 01 hàng rào diện tích xây dựng là 26,4m²; 02 cây xoài loại B1; 15 cây dừa loại B1; 08 cây dừa loại C; 59 cây mít loại B1.

- Các ông, bà Trần Thị Phương T, Nguyễn Thị Như H, Nguyễn Thị Ánh N1 và vợ, con của ông Nguyễn Hữu Nghĩa 1 bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Diễm H1, Nguyễn Khắc H2, Nguyễn Quang H3 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 919 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.259,1 m² tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn N yêu cầu công nhận diện tích đất 1.044,2 m² thuộc thửa 919 tờ bản đồ số 10 đất kênh M tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông và ông có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Phương T.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông Bùi Văn N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Hải